

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 522/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 03-6-2025

V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Long Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Dòn

2. Ông Vũ Huy Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Minh Trường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa:
Ông Võ Kim Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2025, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 1096/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 313/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 313/2025/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 05 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thu T, sinh năm: 1976

Địa chỉ: xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Tống Văn N, sinh năm: 1978

Địa chỉ: xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09 tháng 12 năm 2024, lời khai trong quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Trần Thị Thu T trình bày:

Bà T và ông Tống Văn N quen biết và kết hôn năm 2006 và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 18 quyển số 01 do UBND xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 05/4/2006. Thời gian đầu sống hạnh phúc. Nay thì phát sinh mâu thuẫn và không còn chung sống với nhau. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, nhiều điểm khác biệt về suy nghĩ, cách hành xử, không có tiếng nói chung, phát sinh những mâu thuẫn và ngày càng nghiêm trọng, vợ chồng sống không còn hạnh phúc, không còn yêu thương lẫn nhau. Do tình cảm vợ chồng khó hàn gắn nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thu T yêu cầu ly hôn với ông Tống Văn N;

2. Về con chung: Có 02 con chung là trẻ Tống Gia H, sinh ngày 30/9/2006 (đã thành niên) và trẻ Tống Gia N, sinh ngày 12/4/2014, giới tính nữ. Khi ly hôn bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là trẻ Tống Gia N. Khi khởi kiện bà T có yêu cầu ông N phải cấp dưỡng nuôi trẻ Tống Gia N mỗi tháng 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng). Nay bà T xin rút lại yêu cầu ông Tống Văn N cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết;

4. Về nợ chung: Không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông Tống Văn N không có bản khai, không trình bày ý kiến gửi cho toà án đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thu T.

Tại bản tự khai ngày 06/3/2025, trẻ Tống Gia N trình bày: Con xin được ở với mẹ khi cha mẹ ly hôn.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Trần Thị Thu T trình bày:

Bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu toà án giải quyết:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thu T yêu cầu ly hôn với ông Tống Văn N;

2. Về con chung: Có 02 con chung là trẻ Tống Gia H, sinh ngày 30/9/2006 (đã thành niên) và trẻ Tống Gia N, sinh ngày 12/4/2014, giới tính nữ. Khi ly hôn bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là trẻ Tống Gia N. Khi khởi kiện bà T có yêu cầu ông N phải cấp dưỡng nuôi trẻ Tống Gia N mỗi một tháng 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng). Nay bà T xin rút lại yêu cầu ông Tống Văn N cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết;

4. Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Tống Văn N trình bày: Về quan hệ hôn nhân và con chung thì ông đồng ý với ý kiến của bà T. Về tài sản chung ông yêu cầu bà T phải giải quyết tài sản chung với ông N.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày, tranh luận của các bên đương sự thì xét thấy việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Nguyên đơn bà Trần Thị Thu T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Tống Văn N. Ông Tống Văn N có thực tế cư trú tại: xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Các đương sự có mặt tại phiên tòa

[4] Về hôn nhân: Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 18 quyển số 01 do UBND xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 05/4/2006 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị Thu T và ông Tống Văn N là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Thị Thu T xác định giữa bà và ông N phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn hòa hợp, vợ chồng chung sống thường hay cãi vã, không có tiếng nói chung, không thể tìm được phương cách giải quyết mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng đã không còn. Vì vậy, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông N.

[6] Tòa án đã tiến hành xác minh mâu thuẫn và theo Công văn trả lời số: 990/UBND ngày 10/03/2025 của UBND xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh ghi nhận tổ hoà giải cơ sở chưa có tiếp nhận hoà giải chấp hôn nhân giữa bà T và ông N nên chưa thực hiện hoà giải hoà giải mâu thuẫn hôn nhân giữa bà T với ông N

[7] Bị đơn ông Tống Văn N đồng ý ly hôn với bà T. Do đó, căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về con chung: Có 02 con chung là trẻ Tống Gia H, sinh ngày 30/9/2006 (đã thành niên) và trẻ Tống Gia N, sinh ngày 12/4/2014, giới tính nữ. Khi ly hôn bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là trẻ Tống Gia N. Ông Tống Văn N không có ý kiến và trẻ Tống Gia N có nguyện vọng được sống với bà Trần Thị Thu T. Ông Tống Văn N có ý kiến con chung muốn ở với cha hay mẹ thì đó là quyền của trẻ.

Vì vậy, Căn cứ các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà Trần Thị Thu T là có cơ sở chấp nhận.

Giao trẻ Tống Gia N, sinh ngày 12/4/2014, giới tính nữ cho bà Trần Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, N vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

[9] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hội đồng xét xử xét thấy bà Trần Thị Thu T không yêu cầu ông Tống Văn N cấp dưỡng nuôi con chung. Đó là sự tự nguyện của bà T nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông Tống Văn N cho đến khi bà Trần Thị Thu T có yêu cầu.

[10] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết còn ông N có yêu cầu bà T phải giải quyết tài sản chung. Tuy nhiên, ông N không có làm đơn yêu cầu phản tố gửi cho Tòa án nên Tòa án không có cơ sở không xem xét. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết. Trong trường hợp các bên không thỏa thuận được thì có quyền yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

[11] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn bà Trần Thị Thu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

[12] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thu T đối với bị đơn ông Tống Văn N về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con chung.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thu T được ly hôn với ông Tống Văn N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 18 quyển số 01 do UBND xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 05/4/2006 không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về con chung: Có 02 con chung là trẻ Tống Gia H, sinh ngày 30/9/2006 (đã thành niên) và trẻ Tống Gia N, sinh ngày 12/4/2014, giới tính nữ.

Giao trẻ Tống Gia N, sinh ngày 12/4/2014, giới tính nữ cho bà Trần Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, N vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục

con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông Tống Văn N cho đến khi bà Trần Thị Thu T có yêu cầu.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung : Bà Trần Thị Thu T và ông Tống Văn N tự thỏa thuận. Trong trường hợp không thuận được thì các đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị Thu T chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí đối với yêu cầu ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà bà Trần Thị Thu T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án, ký hiệu: BLTU/24P, số 0051580 ngày 19/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày; Viện kiểm sát cùng cấp được quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục Thi hành án DS cùng cấp;
- UBND xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Lê Long Toàn